ĐÀI KIỂM SOÁT KHÔNG LƯU CÁT BI
TỔ KỸ THUẬT

SỔ KIỂM TRA KỸ THUẬT

Ca trực: Từ …. giờ …. phút ……. ngày..… tháng …. năm ……..….đến …. giờ …. phút……ngày..… tháng …. năm ….……..

Nhân viên trực ca:….....……...……...

Thời gian bắt đầu kiểm tra: ...…… giờ …… phút. …….... Thời gian kết thúc kiểm tra: ...…… giờ …… phút……...

HỆ THỐNG VHF A/G

TÊN THIẾT BỊ	DẢI CHẤP NHẬN		KẾT QUẢ ĐO/ KIỂM TRA	ĐÁNH GIÁ	
				Đạt	Không Đạt
Điện áp nguồn hệ thống VHF A/G	Điện áp nguồn AC	230V ± 10%	V	☐	☐
	Điện áp nguồn DC	21.6 ÷32V	V	☐	☐
		13.75 ± 15%	V	☐	☐
HỆ THỐNG MÁY PHÁT PARK AIR T6T CHO ACC HÀ NỘI					
121.5MHz (Chính)	Công suất phát	50W	W	☐	☐
	Tần số phát	121.5 MHz	MHz	☐	☐
	Độ sâu điều chế	80% đến 95%	%	☐	☐
121.5MHz (Phụ)	Công suất phát	50W	W	☐	☐
	Tần số phát	121.5MHz	MHz	☐	☐
	Độ sâu điều chế	80% đến 95%	%	☐	☐
132.925MHz (Chính)	Công suất phát	50W	W	☐	☐
	Tần số phát	132.925 MHz	MHz	☐	☐
	Độ sâu điều chế	80% đến 95%	%	☐	☐
132.925MHz (Phụ)	Công suất phát	50W	W	☐	☐
	Tần số phát	132.925 MHz	MHz	☐	☐
	Độ sâu điều chế	80% đến 95%	%	☐	☐
133.65MHz (Chính)	Công suất phát	50W	W	☐	☐
	Tần số phát	133.65 MHz; 125.9 MHz	MHz	☐	☐

TÊN THIẾT BỊ	DẢI CHẤP NHẬN		KẾT QUẢ ĐO/ KIỂM TRA	ĐÁNH GIÁ	
				Đạt	Không Đạt
	Độ sâu điều chế	80% đến 95%	%	☐	☐
133.65MHz (Phụ)	Công suất phát	50W	W	☐	☐
	Tần số phát	133.65 MHz; 125.9 MHz	MHz	☐	☐
	Độ sâu điều chế	80% đến 95%	%	☐	☐
133.65MHz (VSAT)	Công suất phát	50W	W	☐	☐
	Tần số phát	133.65 MHz	MHz	☐	☐
	Độ sâu điều chế	80% đến 95%	%	☐	☐
HỆ THỐNG MÁY THU PARK AIR T6R CHO ACC HÀ NỘI					
121.5MHz (Chính)	Tần số thu	121.5 MHz	MHz	☐	☐
	Ngưỡng thu	-107 ÷ -95dBm	dBm	☐	☐
121.5MHz (Phụ)	Tần số thu	121.5 MHz	MHz	☐	☐
	Ngưỡng thu	-107 ÷ -95dBm	dBm	☐	☐
132.925MHz (Chính)	Tần số thu	132.925 MHz	MHz	☐	☐
	Ngưỡng thu	-107 ÷ -95dBm	dBm	☐	☐
132.925MHz (Phụ)	Tần số thu	132.925 MHz	MHz	☐	☐
	Ngưỡng thu	-107 ÷ -95dBm	dBm	☐	☐
133.65MHz (Chính)	Tần số thu	133.65 MHz; 125.9 MHz	MHz	☐	☐
	Ngưỡng thu	-107 ÷ -95dBm	dBm	☐	☐
133.65MHz (Phụ)	Tần số thu	133.65MHz; 125.9 MHz	MHz	☐	☐
	Ngưỡng thu	-107 ÷ -95dBm	dBm	☐	☐

TÊN THIẾT BỊ	DẢI CHẤP NHẬN		KẾT QUẢ ĐO/ KIỂM TRA	ĐÁNH GIÁ	
				Đạt	Không Đạt
133.65MHz (VSAT)	Tần số thu	133.65MHz	MHz	☐	☐
	Ngưỡng thu	-107 ÷ -95dBm	dBm	☐	☐
HỆ THỐNG MÁY PARK AIR T6TR CHO TWR CÁT BI					
118.5MHz (Chính)	Công suất phát	50W	W	☐	☐
	Tần số thu, phát	118.5 MHz	MHz	☐	☐
	Độ sâu điều chế	80% đến 95%	%	☐	☐
	Ngưỡng thu	-107 ÷ -95dBm	dBm	☐	☐
118.5MHz (Phụ)	Công suất phát	50W	W	☐	☐
	Tần số thu, phát	118.5 MHz	MHz	☐	☐
	Độ sâu điều chế	80% đến 95%	%	☐	☐
	Ngưỡng thu	-107 ÷ -95dBm	dBm	☐	☐
121.5MHz (Chính)	Công suất phát	50W	W	☐	☐
	Tần số thu, phát	121.5 MHz	MHz	☐	☐
	Độ sâu điều chế	80% đến 95%	%	☐	☐
	Ngưỡng thu	-107 ÷ -95dBm	dBm	☐	☐
121.5MHz (Phụ)	Công suất phát	50W	W	☐	☐
	Tần số thu, phát	121.5 MHz	MHz	☐	☐
	Độ sâu điều chế	80% đến 95%	%	☐	☐
	Ngưỡng thu	-107 ÷ -95dBm	dBm	☐	☐
THIẾT BỊ ICOM A200 DỰ PHÒNG KHẨN CẤP					

TÊN THIẾT BỊ	DẢI CHẤP NHẬN		KẾT QUẢ ĐO/ KIỂM TRA	ĐÁNH GIÁ	
				Đạt	Không Đạt
118.5MHz; 121.5MHz	Công suất phát	8W	W	☐	☐
	Nguồn AC/DC	220V± 10 %/13.75 ± 15 %		☐	☐
	Tần số	118.5MHz; 121.5MHz	MHz	☐	☐
THIẾT BỊ SU4200 CHO TWR VÂN ĐỒN					
118.1MHz ; 118.85MHz& 121.5MHz	Công suất phát	50W	W	☐	☐
	Tần số phát	118.1MHz ; 118.85MHz ; 121.5MHz	MHz	☐	☐
THIẾT BỊ EU4200 CHO TWR VÂN ĐỒN					
118.1MHz ; 118.85MHz& 121.5MHz	Tần số thu	118.1 MHz ; 118.85 MHz ; 121.5 MHz	MHz	☐	☐
	Ngưỡng thu	-107 ÷ -95dBm	dBm	☐	☐

HỆ THỐNG VHF G/G

TÊN THIẾT BỊ	DẢI CHẤP NHẬN		KẾT QUẢ ĐO/ KIỂM TRA	ĐÁNH GIÁ	
				Đạt	Không Đạt
Điện áp nguồn hệ thống G/G	Điện áp nguồn DC	13.75 ± 15 %	V	☐	☐
Bộ đàm FM F5023H	Tình trạng thu, phát	Có		☐	☐
Bộ đàm FM F5023H	Tình trạng thu, phát	Có		☐	☐
Bộ đàm KENWOOD	Tình trạng thu, phát	Có		☐	☐
	Mức pin	50%-100%	%	☐	☐
Bộ đàm ICOM V80	Tình trạng thu, phát	Có		☐	☐

TÊN THIẾT BỊ	DẢI CHẤP NHẬN		KẾT QUẢ ĐO/ KIỂM TRA	ĐÁNH GIÁ	
				Đạt	Không Đạt
	Mức pin	50%-100%	%	☐	☐
Bộ đàm ICOM V86	Tình trạng thu, phát	Có		☐	☐
	Mức pin	50%-100%	%	☐	☐

HỆ THỐNG TRUYỀN DẪN

TÊN THIẾT BỊ	THỰC HIỆN	TÌNH TRẠNG/KẾT QUẢ
Đường truyền qua cáp quang VNPT tuyến Cát Bi-ATCC HAN	1. Kiểm tra tình trạng thiết bị và đường truyền quang VNPT: FOM; ODF… - Kết nối trung kế với ghép kênh, kết nối Quang - Nguồn cấp và các phụ trợ khác...	
	2. Kiểm tra thiết bị ghép kênh - Trạng thái đèn hiển thị trên các card - Các kết nối trung kế - Nguồn cấp và các phụ trợ khác	
Đường truyền qua cáp quang Viettel tuyến Cát Bi - ATCC HAN	1. Kiểm tra tình trạng thiết bị và đường truyền quang Viettel: FOM; ODF… - Kết nối trung kế với ghép kênh, kết nối Quang - Nguồn cấp và các phụ trợ khác...	
	2. Kiểm tra thiết bị ghép kênh - Trạng thái đèn hiển thị trên các card - Các kết nối trung kế - Nguồn cấp và các phụ trợ khác	
Đường truyền VSAT Cát Bi-ATCC HAN	1. Kiểm tra các thông số kỹ thuật của thiết bị thu/phát: - Eb/No - Mức thu/ phát	

TÊN THIẾT BỊ	THỰC HIỆN	TÌNH TRẠNG/KẾT QUẢ
	- Các đèn cảnh báo mặt máy - Các đấu nối Fider, Anten, nguồn, giám sát cho IDU, ODU...	
	2. Kiểm tra thiết bị ghép kênh - Trạng thái đèn hiển thị trên các card - Các kết nối trung kế - Nguồn cấp và các phụ trợ khác	
Đường truyền Internet, Camera, AMHS	Kiểm tra tình trạng thiết bị và đường truyền quang	

HỆ THỐNG VCCS SITTI MULTIFONO M800IP

TÊN THIẾT BỊ	THỰC HIỆN	TÌNH TRẠNG/KẾT QUẢ
Các SWC và các Card chức năng khác	Kiểm tra trạng thái các đèn chỉ thị Kiểm tra thông số kỹ thuật trên phần mềm giám sát	
Các Card giao tiếp kênh thoại, vô tuyến	Kiểm tra trạng thái các đèn chỉ thị Kiểm tra thông số kỹ thuật trên phần mềm giám sát	
Các Position	Kiểm tra các OP vị trí, Handset, Micro, màn cảm ứng Kiểm tra chức năng điều chỉnh âm lượng, độ sáng tối...	
Máy tính VCMS	Kiểm tra trạng thái, thông tin tại màn hình	
Điện thoại ngoài VCCS	Kiểm tra tình trạng hoạt động các điện thoại ngoài VCCS	

HỆ THỐNG ATM

TÊN THIẾT BỊ	THỰC HIỆN	TÌNH TRẠNG/KẾT QUẢ
GT3 & GT 4	Kiểm tra trạng thái Master/Slave của server	

	Kiểm tra đèn tại cổng mạng của 2 server	
	Kiểm tra đèn của khối nguồn server	
D70 & D71	Kiểm tra trạng thái RDP/DARD trên cửa sổ SDMA của CWP	
	Kiểm tra đèn tại cổng mạng của 2 CWP	
	Kiểm tra tình trạng chuột & bàn phím tại 2 vị trí đầu cuối	
	Kiểm tra tình trạng máy in strip	
SWITCH & ROUTER	Kiểm tra các đèn trạng thái của Switch, Router	

CÁC ĐẦU CUỐI CUNG CẤP DỊCH VỤ THÔNG TIN ĐIỀU HÀNH BAY

TÊN THIẾT BỊ	THỰC HIỆN	TÌNH TRẠNG/KẾT QUẢ
Đầu cuối AMHS	Kiểm tra tình trạng gửi/nhận điện văn	
	Kiểm tra tình trạng kết nối đến máy chủ	
Đầu cuối AIM/AIS	Kiểm tra trạng thái, thông tin tại các màn hình	

HỆ THỐNG GHI ÂM ATTECH AR16A

TÊN THIẾT BỊ	THỰC HIỆN	TÌNH TRẠNG/KẾT QUẢ
Máy ghi âm 1	- Kiểm tra khả năng và chất lượng kênh ghi - Kiểm tra các thông số kênh ghi - Kiểm tra đồng bộ thời gian với đồng hồ chủ	
Máy ghi âm 2	- Kiểm tra khả năng và chất lượng kênh ghi - Kiểm tra các thông số kênh ghi - Kiểm tra đồng bộ thời gian với đồng hồ chủ	

HỆ THỐNG ĐỒNG HỒ CHỦ

TÊN THIẾT BỊ	THỰC HIỆN	TÌNH TRẠNG/KẾT QUẢ
Đồng hồ Master	Kiểm tra các đèn trạng thái	
Các đồng hồ Slave	Kiểm tra các đèn trạng thái	

TRANG THIẾT BỊ KHÍ TƯỢNG

TÊN THIẾT BỊ	THỰC HIỆN	TÌNH TRẠNG/KẾT QUẢ
Server	Kiểm tra	
Trạm Trần mây 25	Kiểm tra	
Trạm Trần mây 07	Kiểm tra	
Trạm Khí tượng 25	Kiểm tra	
Trạm Khí tượng 07	Kiểm tra	
Trạm Khí tượng giữa	Kiểm tra	
Vườn Khí tượng cổ điển	Kiểm tra	
Đường truyền	Kiểm tra	
Đường truyền Gió dự phòng trạm 07	Kiểm tra	
Đầu cuối	Kiểm tra	

CÁC THIẾT BỊ KHÁC

TÊN THIẾT BỊ	THƯC HIỆN	TÌNH TRẠNG/KẾT QUẢ
Súng Light Gun	Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị	
Tổng đài nội bộ	Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị	
Ống nhòm	Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị	

HỆ THỐNG CƠ ĐIỆN

01. Nguồn điện lưới:

U_d/U_p(V):	I(A):	I(B):	I(C):	F(Hz):

Các tủ phân phối

Trạng thái các MCCB tại tủ	TỦ PHÂN PHỐI NHÀ NGUỒN	TỦ PHÂN PHỐI NHÀ ĐIỀU HÀNH	TỦ PHÂN PHỐI NGUỒN QLB	TỦ PHÂN PHỐI TẦNG I	TỦ PHÂN PHỐI TẦNG II
Đóng					
Cắt					

02. Máy phát điện

Máy số I – Cummins 175 KVA

* Chạy máy: Thời gian từ …….h…….. đến.. ….h…....Lý do chạy……..……

Tham số động cơ	**Tốc độ (V/P)**	**T^0 đ/cơ(^{0}C)**	**Điện áp ắc quy(Vdc)**	**P dầu (Psi)**	**T^0nước(^{o}C)**
Tham số đầu phát		A	B	C	
	U_d/U_p(V)				
	I (A)				
	F (Hz)				
Bộ nạp acquy từ điện lưới	Dòng nạp(A):	Điện áp ra (VDC):	Các đèn hiển thị hoạt động:		
Tình trạng Acquy					

(Tình trạng của ắc quy: Ghi Bình thường hoặc Bất thường tùy theo tình trạng của ắc quy)

Máy số II – Cummins 175 KVA

* Chạy máy: Thời gian từ …....…h…….. đến ……h……. Lý do chạy:…...……

Tham số động cơ	**Tốc độ (V/P)**	**T^0 đ/cơ(^{0}C)**	**Điện áp ắc quy(Vdc)**	**P dầu (Psi)**	**T^0nước(^{o}C)**
Tham số đầu phát		A	B	C	
	U_d/U_p(V)				
	I (A)				

	F (Hz)		
Bộ nạp acquy từ điện lưới	Dòng nạp(A):	Điện áp ra (VDC):	Các đèn hiển thị hoạt động:
Tình trạng Acquy			

(Tình trạng của ắc quy: Ghi Bình thường hoặc Bất thường tùy theo tình trạng của ắc quy)

03. Thiết bị chuyển đổi nguồn tự động/thủ công (ATS/MTS):

Thời gian	Tình trạng	Up (A)	Up (B)	Up (C)
ATS Lưới/MPĐ				
ATS MPĐ2/MPĐ2				
Các trạng thái hiển thị của ATS				

(- Tình trạng của các ATS: Ghi Đang cấp nguồn hoặc Không được cấp nguồn.
- Các trạng thái hiển thị, lưu trữ của ATS được cấp nguồn: Ghi Hiển thị, lưu trữ đầy đủ hoặc Không hiển thị, lưu trữ không đầy đủ.)

04. Nguồn liên tục không gián đoạn (UPS):

4.1. Bảng thông số kỹ thuật các UPS, STS:

Thông số	UPS2						UPS1						STS					
	Thông số đầu vào			Thông số đầu ra			Thông số đầu vào			Thông số đầu ra			Thông số đầu vào			Thông số đầu ra		
Pha	L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3
U(V)																		
I(A)																		
F(Hz)																		

4.2. Bảng trạng thái hiển thị hoạt động trên STS:

Ưu tiên nguồn UPS		Ưu tiên nguồn điện lưới		Nguồn UPS		Nguồn điện lưới		STS SS1		STS SS2		Cảnh báo		Bộ chọn đầu ra	
ON	OFF	ON	OFF	ON	OFF	ON	OFF	ON	OFF	ON	OFF	ON	OFF	ON	OFF

05. Bộ nguồn AC/DC:

DALE			EMERSON			ERSKINE						
Ur (VDC)	Tình trạng đèn hiển thị		Ur (VDC)	Ir (A)	Bat (%)	Ur (VDC)	Ir (A)	Tình trạng đèn hiển thị				
	OK	ALM						OK	Charger 1		Charger 2	
									AC ON	DC ON	AC ON	DC ON
	On□ Off□	On□ Off□							On□ Off□	On□ Off□	On□ Off□	On□ Off□

06. Hệ thống tiếp địa chống sét tòa nhà:

Lọc sét Novaris			Cắt sét Novaris nhà nguồn						Cắt sét Novaris Phòng tủ phân phối					
Tình trạng pha (%)			Tình trạng đèn hiển thị						Tình trạng đèn hiển thị					
L1	L2	L3	L1		L2		L3		L1		L2		L3	
			50%	100%	50%	100%	50%	100%	50%	100%	50%	100%	50%	100%
			On□ Off□	On□ Off□	On□ Off□	On□ Off□	On□ Off□	On□ Off□	On□ Off□	On□ Off□	On□ Off□	On□ Off□	On□ Off□	On□ Off□

07. Hệ thống điều hòa nhiệt độ:

*** Điều hòa VRV:**

Thông số kỹ thuật	Tình trạng	
Tình trạng kết nối hệ thống	Bình thường□	Bất thường□
Tình trạng hiển thị và điều khiển qua bộ điều khiển trung tâm ITOUCH.	Báo lỗi □	Không báo lỗi □
Các cảnh báo và tình trạng lưu trữ hoạt động của hệ thống	Lưu trữ được □	Không lưu trữ được □

- Tình trạng kết nối hệ thống: Ghi Bình thường hoặc Bất thường tùy theo tình trạng.
- Tình trạng hiển thị và điều khiển: Ghi Hiển thị đầy đủ hoặc Hiển thị và điều khiển không đầy đủ tùy theo tình trạng.

- Các cảnh báo và tình trạng lưu trữ:Ghi Hiển thị và lưu trữ đầy đủ hoặc Hiển thị và lưu trữ không đầy đủ tùy theo cảnh báo.)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	P.THIẾT BỊ	P.TRỰC KỸ THUẬT	P.TỦ PHÂN PHỐI
Nhiệt độ (ºC)			
Độ ẩm (%)			

*** Điều hòa cục bộ :**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	TWR	AN NINH
Nhiệt độ (ºC)		
Độ ẩm (%)		

08. Hệ thống PCCC.

Thông số kỹ thuật	Tình trạng	
Tình trạng tủ báo cháy trung tâm	Báo lỗi □	Không báo lỗi □
Tình trạng tủ điều khiển bơm chữa cháy	Báo lỗi □	Không báo lỗi □
Tình trạng hoạt động của hệ thống báo cháy (các đầu báo, cụm chuông, nút ấn)	Báo lỗi □	Không báo lỗi □

(- Tình trạng các tủ: Ghi Báo lỗi hoặc Không báo lỗi.

09. **Phòng biến áp đài KSKL Cát Bi:** Bình thường/Bất thường):

……

……

10. Các thiết bị phụ trợ: (Bơm cấp, thoát nước, camera giám sát, thang máy, chiếu sáng trong nhà, đèn cao không)

10.1 Hệ thống bơm cấp nước, đèn cao không, chiếu sáng trong nhà:

Thông số kỹ thuật	Tình trạng	
Tình trạng hoạt đông của bơm nước sinh hoạt và bơm bù	Báo lỗi □	Không báo lỗi □
Tình trạng của Đèn cao không(Chỉ ghi vào thời gian đèn hoạt động)	Hoạt động □	Không hoạt động □

Tình trạng của Chiếu sáng	Hoạt động □ Không hoạt động □

10.2.Hệ thống Camera

Thông số kỹ thuật	Tình trạng
Tình trạng lưu trữ máy chủ	Lưu trữ được □ Không lưu trữ được □
Các máy Client Camera	Báo lỗi □ Không báo lỗi □
Các cảnh báo và tình trạng lưu trữ hoạt động của hệ thống	Có cảnh báo □ Không cảnh báo □
Tình trạng các Camera	Báo lỗi □ Không báo lỗi □

10.3. Hệ thống thang máy

Hệ thống	Tình trạng
Thang máy	Bình thường □ Bất thường □

NGƯỜI KIỂM TRA